

Bản án số: 17/2020/HNGĐ - ST.

Ngày: 14 - 8 - 2020.

V/v tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Quyết Chiến.

Ông Lê Hồng Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2019/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Thúy N, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Tấn D, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 29/10/2019 nguyên đơn bà Lâm Thị Thúy N trình bày: Bà N và ông Bùi Tấn D tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào ngày 20/3/1987 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 02/2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến thường cãi vã qua lại nên cuộc sống không còn hạnh phúc và sống ly thân từ tháng 3/2015 cho đến nay. Sau khi sống ly thân thì bà N và ông D có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà N và ông D có 03 người con chung là Bùi Lâm T, sinh ngày 12/12/1990; Bùi Lâm

T1, sinh ngày 08/3/1992 và Bùi Tiểu B, sinh ngày 04/8/1995 hiện nay đã thành niên; về tài sản chung và nợ chung không có.

Bà Lâm Thị Thúy N yêu cầu ly hôn với ông Bùi Tấn D; về con chung hiện nay đã thành niên nên bà N không yêu cầu gì; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà N không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn ông Bùi Tấn D: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông D nhưng ông D không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông D 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng ông D vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn ông Bùi Tấn D đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Bùi Tấn D chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy bà Lâm Thị Thúy N và ông Bùi Tấn D tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên mối quan hệ giữa bà N và ông D không được pháp luật công nhận là vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Thúy N và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị Thúy N và ông Bùi Tấn D; về con chung đã thành niên nên không đặt ra xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Lâm Thị Thúy N và bị đơn ông Bùi Tấn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà N và ông D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, từ ngày 20/3/1987 bà Lâm Thị Thúy N và ông Bùi Tấn D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ chung sống giữa bà N và ông D do không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội

về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ giữa bà N và ông D không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị Thúy N và ông Bùi Tấn D.

[3] Về con chung: Bà Lâm Thị Thúy N xác định trong thời gian chung sống, bà N và ông Bùi Tấn D có 03 người con chung là Bùi Lâm T, sinh ngày 12/12/1990; Bùi Lâm T1, sinh ngày 08/3/1992 và Bùi Tiểu B, sinh ngày 04/8/1995 hiện nay đã thành niên, bà N không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Thị Thúy N xác định trong thời gian chung sống bà N và ông Bùi Tấn D không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Lâm Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Bùi Tấn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Thúy N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị Thúy N và ông Bùi Tấn D.

1.2. Về con chung: Cháu Bùi Lâm T, sinh ngày 12/12/1990; cháu Bùi Lâm T1, sinh ngày 08/3/1992 và cháu Bùi Tiểu B, sinh ngày 04/8/1995 hiện nay đã thành niên, bà Lâm Thị Thúy N không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Thị Thúy N xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001102 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Lâm Thị Thúy N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Bùi Tấn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã Hậu Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Văn Hợi